

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 180

#### Phẩm 32: KHEN NGỢI BÁT-NHÃ (9)

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Bồ thí ba-la-mật-đa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tịch lự ba-la-mật-đa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Bồ thí ba-la-mật-đa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Bồ thí ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Bồ thí ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Bồ thí ba-la-mật-đa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Bồ thí ba-la-mật-đa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Bồ thí ba-la-mật-đa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Bồ thí ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Bồ thí ba-la-mật-đa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Bồ thí ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Bồ thí ba-la-mật-đa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Bồ thí ba-la-mật-đa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Bồ thí ba-la-mật-đa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Tịnh giới cho đến Tịch lự ba-la-mật-đa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp không bên trong không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp

không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không bên trong không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không bên trong không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không bên trong không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không bên trong là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không bên trong vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không bên trong vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không bên trong là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không bên trong tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không bên trong chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không bên trong chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không bên trong dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không bên trong chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì chân như không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì chân như không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì chân như không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự

tánh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì chân như không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì chân như là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì chân như vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì chân như vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì chân như là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì chân như tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì chân như chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì chân như chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì chân như dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì chân như chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Thánh đế khổ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Thánh đế khổ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Thánh đế khổ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Thánh đế khổ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Thánh đế tập, diệt, đạo không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Thánh đế khổ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Thánh đế khổ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Thánh đế khổ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Thánh đế khổ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Thánh đế tập, diệt, đạo là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Thánh đế khổ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Thánh đế khổ chẳng thể nắm bắt được, nên

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Thánh đế khổ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Thánh đế khổ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Thánh đế tập, diệt, đạo dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Thánh đế khổ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì bốn Tịch lặng không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Tịch lặng không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Tịch lặng không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Tịch lặng không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Tịch lặng là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Tịch lặng vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Tịch lặng vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Tịch lặng là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Tịch lặng tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Tịch lặng chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Tịch lặng chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Tịch lặng dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Tịch lặng chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tám Giải thoát không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không sinh, nên

biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tám Giải thoát không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tám Giải thoát không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tám Giải thoát không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tám Giải thoát là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tám Giải thoát vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tám Giải thoát vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tám Giải thoát là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tám Giải thoát tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tám Giải thoát chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tám Giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tám Giải thoát dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tám Giải thoát chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì bốn Niệm trụ không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn Niệm trụ không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn Niệm trụ không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn Niệm trụ không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn Niệm trụ là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn Niệm trụ vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-

đa cũng vô tướng; vì bốn Niệm trụ vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn Niệm trụ là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn Niệm trụ tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn Niệm trụ chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn Niệm trụ chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn Niệm trụ dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn Niệm trụ chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp môn giải thoát Không không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp môn giải thoát Không không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp môn giải thoát Không không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp môn giải thoát Không không sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sở hữu; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sở hữu; vì pháp môn giải thoát Không là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp môn giải thoát Không là vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp môn giải thoát Không là vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp môn giải thoát Không là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp môn giải thoát Không tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp môn giải

thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp môn giải thoát Không dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp môn giải thoát Không chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì năm loại mắt không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì sáu phép thần thông không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì năm loại mắt không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì sáu phép thần thông không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì năm loại mắt không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì sáu phép thần thông không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì năm loại mắt không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì sáu phép thần thông không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì năm loại mắt là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì sáu phép thần thông là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì năm loại mắt vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì sáu phép thần thông vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì năm loại mắt vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì sáu phép thần thông vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì năm loại mắt là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì sáu phép thần thông là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì năm loại mắt tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì sáu phép thần thông tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì năm loại mắt chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì sáu phép thần thông chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì năm loại mắt chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì sáu phép thần thông chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì năm loại mắt dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì sáu phép thần thông dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì năm loại mắt chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì sáu phép thần thông chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì mười lực của Phật không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì mười lực của Phật không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì mười lực của Phật không có tự

tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì mười lực của Phật không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì mười lực của Phật là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì mười lực của Phật vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì mười lực của Phật vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì mười lực của Phật là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì mười lực của Phật tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì mười lực của Phật chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì mười lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì mười lực của Phật dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì mười lực của Phật chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì bốn điều không sợ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì pháp không quên mất không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tánh luôn luôn xả không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì pháp không quên mất không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tánh luôn luôn xả không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì pháp không quên mất không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tánh luôn luôn xả không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì pháp không quên mất không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tánh luôn luôn xả không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì pháp không quên mất là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tánh luôn luôn xả là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì pháp không quên mất vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tánh luôn luôn xả vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì pháp không quên mất vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tánh luôn luôn xả vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì pháp không quên mất là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì



tánh luôn luôn xả là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì pháp không quên mất tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tánh luôn luôn xả tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì pháp không quên mất chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tánh luôn luôn xả chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì pháp không quên mất chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tánh luôn luôn xả chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì pháp không quên mất dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tánh luôn luôn xả dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì pháp không quên mất chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tánh luôn luôn xả chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì trí Nhất thiết không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì trí Nhất thiết không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì trí Nhất thiết không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì trí Nhất thiết không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì trí Nhất thiết là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì trí Nhất thiết vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì trí Nhất thiết vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì trí Nhất thiết là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì trí Nhất thiết tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì trí Nhất thiết chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì trí Nhất thiết chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì trí Nhất thiết dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì trí Nhất thiết chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì tất cả pháp môn Đà-la-ni chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì tất cả pháp môn Tam-ma-địa chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vì Dự lưu không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh; vì Dự lưu không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt; vì Dự lưu không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có tự tánh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có tự tánh; vì Dự lưu không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán không có sở hữu, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sở hữu; vì Dự lưu là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là không, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không; vì Dự lưu vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Nhất lai,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bất hoàn, A-la-hán vô tướng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Dự lưu vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán vô nguyện, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Dự lưu là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vì Dự lưu tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán tịch tĩnh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng tịch tĩnh; vì Dự lưu chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thể nắm bắt được, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nắm bắt được; vì Dự lưu chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thể nghĩ bàn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn; vì Dự lưu dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán dứt mọi nẻo nhận biết, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng dứt mọi nẻo nhận biết; vì Dự lưu chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực; vì Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán chẳng thành tựu từ thế lực, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu từ thế lực.

Bạch Thế Tôn, con nương vào ý này mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát là Đại Ba-la-mật-đa.

